TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THANH HÓA
TỈNH THANH HÓA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **02**/2021/DSST
Ngày: 29/12/2021
V/v:"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

PHỐ TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Mai Thị Tiếp

2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến - Thư ký TAND TP. Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa

Đại diện VKSND TP.Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thu Lan - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân Thành phố Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 111/2021/ TLST - DS ngày 11 tháng 6 năm 2021về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo "Quyết định đưa vụ án ra xét xử" số 16/2021/QĐXX-ST ngày 01 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 16 ngày 14/12/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần TV (Tên gọi tắt: TVB)

Địa chỉ: Số ... LH, phường LH, quận ĐĐ, thành phố HN

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch HĐQT VPBank

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Thế Đ - Chuyên viên xử lý nợ pháp lý 02

Địa chỉ: Tầng ..., Trung tâm thương mại PL, số ... Đại lộ LL, phường LS, thành phố TH, tỉnh TH

- Bị đơn: Ông Lê Thanh H , sn 1980 và bà Vũ Thị N , sn 1980

Cùng ở địa chỉ: Số nhà ... đường ĐH, phường ĐC, thành phố TH, tỉnh TH.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Trung T , sinh năm 1972

Bà Lại Thị Thúy L , sinh năm 1979

Cùng ở địa chỉ: Ngõ .., đường ..., Khối ..., phường QB, thành phố V, tỉnh NA

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Ngân hàng TMCP TV (tên gọi tắt là TVB) trình bày:

Ngày 07/02/2018 ông Lê Thanh H và bà Vũ Thị N ký với TVB "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497. Theo thỏa thuận của hợp đồng, TVB cho ông H bà N

vay số tiền là 270.000.000đ, thời hạn vay 120 tháng, mục đích vay: Mua sắm đồ dùng gia đình, lãi suất theo quy định của Ngân hàng, hai bên thỏa thuận định kỳ vào ngày 15 hàng tháng ông H bà N phải thanh toán cho TVB số tiền gốc 2.250.000đ cùng với lãi phát sinh trong tháng. Quá trình thực hiện "Hợp đồng cho vay", ông H bà N đã trả nợ cho TVB 88.848.945đ (trong đó trả nợ gốc 40.500.000đ, trả nợ lãi 48.384.945đ).

Tài sản bảo đảm cho "Hợp đồng cho vay" trên của ông Lê Thanh H , bà Vũ Thị N là toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55(1) tờ bản đồ số 33, diện tích 83,04m2, địa chỉ thửa đất: 04/65 đường Đình Hương, phường Đông Cương, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá (Đất đã được UBND TP. Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận QSDĐ số BV 675826 ngày 25/4/2015 mang tên ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L) và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4, tường gạch, mái bờ rô xi măng, diện tích sử dụng 50m2, theo "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 và bản "Thỏa thuận" ngày 06/02/2018 giữa ông Lê Trung T , bà Lại Thị Thúy L với TVB

Ngoài "Hợp đồng cho vay" nêu trên ngày 15/10/2018 bà Vũ Thị N còn ký với TVB "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ" (Hợp đồng tín chấp) để vay số tiền gốc là 90.000.000đ, mục đích vay mua sắm đồ dùng gia đình. Quá trình thực hiện hợp đồng này bà N đã trả cho TVB số tiền 42.310.913 đồng (Trả nợ gốc 27.532.549đ; Trả nợ lãi 14.778.364đ).

Từ ngày 16/9/2019 ông H bà N không trả nợ cho TVB đối với cả "Hợp đồng cho vay" và hợp đồng tín chấp, TVB đã nhiều lần yêu cầu, đôn đốc nhưng ông H bà N không trả nợ và vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng đã ký (nêu trên). Do đó TVB khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông H bà N trả nợ cho TVB toàn bộ số nợ còn lại của cả hai hợp đồng, số nợ tạm tính đến 24/3/2021 là 404.639.849đ (Trong đó: Nợ gốc quá hạn: 291.967.451đ; Nợ lãi trong hạn: 7.995.572đ; Nợ lãi quá hạn: 95.649.991đ; Lãi phạt chậm trả: 9.026.835đ). Đồng thời yêu cầu ông H bà N phải tiếp tục chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng cho vay cho đến khi ông H bà N thực trả hết nợ cho TVB. Trường hợp ông H bà N không thanh toán đầy đủ số nợ trên cho TVB thì TVB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp tại "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 đã ký giữa ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L với TVB để thu hồi toàn bộ tiền nợ của cả hai hợp đồng tín dụng.

Về phía bị đơn (ông Lê Thanh H bà Vũ Thị N): Tại bản tự khai ông H bà N khai thống nhất với TVB về nội dung: Ngày 07/02/2018 ông Lê Thanh H và bà Vũ Thị N đã ký với TVB "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 vay số tiền là 270.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H , bà N đã thanh toán cho TVB 88.848.945đ (gốc 40.500.000đ. lãi 48.384.945đ). Nay nợ gốc còn 229.500.000đ, số tiền nợ lãi ông bà đồng ý với số liệu TVB đã tính trong đơn khởi kiện.

Ngoài ra bà N còn ký với TVB "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ" ngày 15/10/2018 (hợp đồng tín chấp). Quá trình thực hiện hợp đồng này bà N đã trả cho TVB số tiền 42.319.813 đồng (gốc 27.532.549 đồng; lãi 14.778.364 đồng). Nay còn nợ gốc 62.467.451đ, số tiền nợ lãi bà N đồng ý với số liệu TVB tính trong đơn khởi kiện.

Ông H , bà N khẳng định: Hợp đồng tín chấp này bà N vay không có tài sản bảo đảm nên không đồng ý việc TVB xử lý tài sản thế chấp của ông T bà L để thu hồi khoản nợ này. Mặt khác, việc bà N ký hợp đồng tín chấp này ông H không biết, không đồng ý và số tiền vay không sử dụng vào việc chung của gia đình, ông H không liên quan đến việc bà N xác lập hợp đồng này, nên đây là khoản nợ riêng của bà N , bà N có trách nhiệm trả số nợ này cho TVB.

Những người có QLNVLQ (ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L): Tại bản tự khai của mình, ông bà thừa nhận đã tự nguyện ký "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 với TVB, thế chấp toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 55(1) tờ bản đồ số 33, diện tích 83,04m2, tại địa chỉ: 04/65 đường Đình Hương, phường Đông Cương, TP Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá. (Giấy chứng nhận QSDĐ số BV 675826 ngày 25/4/2015 do UBND TP.Thanh Hóa cấp mang tên ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L) để đảm bảo cho "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018 của ông Lê Thanh H và bà Vũ Thị N tại VPBank.

Đối với "Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cho vay không TSBĐ" (Hợp đồng tin chấp) ngày 15/10/2018 giữa bà Vũ Thị N với TVB ông bà không đảm bảo bằng tài sản của mình nên ông bà không đồng ý việc TVB xử lý tài sản thế chấp của ông bà để thu hồi khoản nợ này.

Ngày 14/10/2021, Tòa án tiến hành thẩm định tài sản thế chấp. Kết quả: Tài sản thế chấp hiện đủ chủng loại như trong "Hợp đồng thế chấp" và bản "Thỏa thuận" ngày 06/02/2018 giữa ông T bà L với TVB.

Tại phiên hòa giải ngày 03/11/2021:

Các bên thống nhất: Tính đến ngày 13/11/2021 đối với "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018, ông H bà N còn nợ 343.687.564đ (gốc 229.500.000đ; Lãi trong hạn: 5.331.778đ; Lãi quá hạn: 96.617.633đ; Lãi suất chậm trả: 12.239.153đ); Đối với Hợp đồng tín chấp còn nợ 109.026.404đ (gốc 62.467.451đ; Lãi trong hạn: 2,663.794đ; Lãi quá hạn: 39.055.090; Lãi suất chậm trả: 4.840.069đ); Thống nhất không yêu cầu TVB trả lại số tiền TVB đã trích từ số tiền thanh toán cho "Hợp đồng cho vay" chuyển sang thanh toán cho Hợp đồng tín chấp; Thống nhất tài sản bảo đảm tại hợp đồng thế chấp số LN 1801290489497 và bản "Thỏa thuận" ngày 06/02/2018 giữa ông T bà L với TVB chỉ đảm bảo cho nghĩa vụ của "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018, không đảm bảo cho nghĩa vụ của "Hợp đồng cho vay không TSBĐ" ngày 15/10/2018 giữa bà N với TVB.

Ông H bà N không thống nhất việc TVB yêu cầu ông bà trả lãi quá hạn và lãi chậm trả, yêu cầu TVB chỉ tính lãi trong hạn và đề nghị TVB cho bên vay trả toàn bộ số tiền nợ tính đến ngày hòa giải với mức lãi trong hạn; Số nợ gốc còn lại cho bên vay tiếp tục thực hiện theo hợp đồng đã ký. Vì ông H , ông T , bà L cho rằng: Quá trình thực hiện "Hợp đồng cho vay", bên vay và bên bảo đảm thực hiện trả nợ đầy đủ, đúng hạn. Sau đó bà N tự ký thêm hợp đồng tín chấp vay riêng và không trả nợ được cho khoản vay riêng này thì TVB tự động trích từ số tiền ông H , ông T , bà L thanh toán cho "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 để trừ vào khoản nợ của HĐ tín chấp bà N vay riêng; Ông H , ông T , bà L đã nhiều lần có ý kiến với TVB không đồng ý

việc này, nhưng số tiền ông H , ông T , bà L trả vẫn bị TVB trừ vào số nợ của cả hợp đồng tín chấp nên bên vay ngừng trả nợ, dẫn đến hợp đồng bị quá hạn, như vậy là do lỗi của TVB. Bà N cũng khẳng định khi ký hợp đồng tín chấp bà không nói cho ông H biết, số tiền vay bà chi phí riêng, bà xin chịu trách nhiệm trả cho TVB toàn bộ khoản nợ của hợp đồng tín chấp.

TVB giữ quan điểm yêu cầu ông H bà N trả một lần toàn bộ số nợ của cả hai hợp đồng đã ký gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả lãi như số liệu đã thống nhất trên. Đối với hợp đồng tín chấp bà N ký với TVB, TVB không có tài liệu chứng cứ nào để chứng minh là nợ chung của ông H bà N , song đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông H và bà N nên là nợ chung của vợ chồng, TVB yêu cầu ông H và bà N cùng phải có trách nhiệm trả nợ.

Ngày 01/12/2021, Tòa án nhân dân TP. Thanh Hóa Quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định đã được tống đạt hợp lệ cho TVB, ông H , bà N , ông T , bà L . Tại phiên tòa ngày 14/12/2021, người đại diện theo ủy quyền của TVB có mặt; ông H , bà N , ông T , bà L vắng mặt, không có đơn xin xét xử vắng mặt. HĐXX quyết định hoãn phiên tòa đồng thời ấn định thời gian xét xử lại vụ án vào hồi 13 giờ 00 ngày 29/12/2021. Quyết định hoãn phiên tòa đã tống đạt hợp lệ cho các đương sự.

Tại phiên tòa hôm nay, ông H , bà N , ông T , bà L vắng mặt;

Đại diện của TVB trình bày: Theo quy định của TVB, việc bà N ký hợp đồng tín chấp không bắt buộc phải báo cho ông H và có chữ ký của ông H trong hợp đồng, khoản nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân đương nhiên là nợ chung. TVB giữ nguyên quan điểm: Yêu cầu Tòa án buộc ông H bà N trả cho TVB toàn bộ số tiền nợ của cả 02 hợp đồng. Tổng số nợ tính đến ngày 29/12/2021 là 465.209.582đ. Trong đó nợ gốc 291.967.451đ, nợ lãi trong hạn 7.995.572đ, lãi quá hạn 145.677.157đ, lãi suất chậm trả 19.569.402đ. Đồng thời yêu cầu ông H bà N phải tiếp tục chịu lãi theo lãi suất thỏa thuận của hợp đồng vay cho đến khi ông H bà N thực trả hết nợ gốc cho TVB. Trường hợp ông H bà N không thanh toán đầy đủ tiền nợ theo hợp đồng cho TVB thì TVB có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp tại "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 đã ký giữa ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L với TVB để thu hồi tiền nợ của "Hợp đồng cho vay". Và yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền xác minh, kê biên, phát mại tài sản của ông H bà N theo quy định của pháp luật để thu hồi số nợ của hợp đồng tín chấp.

Ý kiến của đại diện VKS: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, thư ký và HĐXX, việc chấp hành pháp luật của TVB kể từ khi toà án thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã tuân thủ đúng quy định; Ông H , bà N , ông T , bà L chấp hành không đầy đủ quy định. Tại phiên tòa ông H , bà N , ông T , bà L vắng mặt lần thứ 2, VKS đề nghị HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt.

Về nội dung vụ án: Đại diện VKS đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của TVB, buộc ông H , bà N trả cho TVB toàn bộ số tiền nợ theo "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018 gồm: nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn, lãi suất chậm trả như yêu cầu của TVB tại phiên tòa. Trường hợp ông H bà N không

trả đủ số nợ theo hợp đồng thì TVB được quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp tại "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 giữa ông T bà L với TVB để thu hồi nợ; Đối với "Hợp đồng cho vay không TSBĐ" ngày 15/10/2018, xác định đây là nợ riêng của bà N , buộc bà N chịu trách nhiệm trả toàn bộ khoản nợ này cho TVB; Về án phí; Ông H , bà N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được kiểm tra, xem xét tại phiên toà; Kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Ý kiến của người tham gia tố tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về thẩm quyền: Ngân hàng TMCP TVB khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp hợp đồng tín dụng; Bị đơn cư trú tại thành phố Thanh Hóa do đó TAND TP.Thanh Hóa thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, 35, Điều 39 - Bộ luật TTDS.

Về thời hiệu khởi kiện: Đảm bảo thời hiệu quy định tại Điều 429 - BLDS.

Về việc vắng mặt bị đơn: Ông Lê Thanh H , bà Vũ Thị N , ông Lê Trung T , bà Lại Thị Thúy L đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay ông H , bà N , ông T , bà L vắng mặt lần thứ 2, HĐXX căn cứ Điều 227 - BLTTDS để xét xử vắng mặt ông H , bà N , ông T , bà L

[2] Về tính hiệu lực của hợp đồng

Ngày 07/02/2018 ông Lê Thanh H và bà Vũ Thị N ký với TVB "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497; Ngày 15/10/2018 bà Vũ Thị N ký với TVB "Hợp đồng cho vay không TSBĐ"; Ngày 06/02/2018 ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L ký với VPBank "Hợp đồng thế chấp" bảo đảm cho khoản vay của "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497. Nội dung các hợp đồng vay, hợp đồng thế chấp và "Khế ước nhận nợ" các bên thỏa thuận về mục đích vay, số tiền vay, lãi suất, phương thức và kỳ hạn thanh toán, biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm, nghĩa vụ bảo đảm. Thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị lừa dối, giả tạo, không vi phạm điều cấm của luật, tài sản bảo đảm thuộc quyền sở hữu của bên thế chấp, nội dung và hình thức hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật, do đó các hợp đồng trên có hiệu lực.

[3] Về nội dung tranh chấp hợp đồng

[3.1] Đối với "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018 ông Lê Thanh H , bà Vũ Thị N vay của TVB số tiền 270.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng ông H bà N đã trả được một phần nợ gốc, nợ lãi. Từ ngày 16/9/2019 đến nay ông H bà N không trả nợ cho TVB là đã vi phạm thỏa thuận về thời hạn thanh toán tại Điều 6,7 khế ước nhận nợ (Bộ phận không tách rời của hợp đồng cho vay). Vì vậy TVB yêu cầu ông H bà N phải trả lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả và yêu cầu ông H bà N phải trả một lần toàn bộ số nợ còn lại là đúng với thỏa thuận của hai bên tại điều 2, 6, 7 của hợp đồng.

Tại phiên tòa, TVB yêu cầu ông H bà N thanh toán toàn bộ số nợ đối với "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018 tính đến ngày 29/12/2021 là

352.573.366đ. Trong đó nợ gốc 229.500.000đ, lãi trong hạn 5.331.778đ, lãi quá hạn 103.746.853đ, lãi chậm trả 13.994.735đ. Đồng thời yêu cầu ông H bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp ông H bà N không thanh toán đầy đủ số nợ trên cho TVB thì TVB có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp theo "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 đã ký giữa ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L với TVB để thu hồi nợ. Yêu cầu của TVB là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại "Hợp đồng cho vay", "Hợp đồng thế chấp" đã ký; Phù hợp quy định tại Điều 91, 95 - Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, 468 - BLDS và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, nên HĐXX chấp nhận.

Việc ông H bà N yêu cầu TVB không tính lãi quá hạn và lãi chậm trả vì cho rằng: "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 quá hạn có lỗi của TVB, do TVB đã tự động chuyển một phần số tiền ông H , ông T , bà L thanh toán cho hợp đồng này sang thanh toán cho hợp đồng tín chấp của bà N nên ông bà mới dừng việc trả nợ. HĐXX xét, tại hợp đồng cho vay và khế ước nhận nợ, các bên đã thỏa thuận với nhau về thời gian, số tiền và phương thức thanh toán. Vì vậy ông H bà N có nghĩa vụ thanh toán đúng thời hạn và đủ số tiền đã thỏa thuận. Sau đó nếu có căn cứ xác định việc TVB tự động chuyển tiền trả nợ cho hợp đồng tín chấp của bà N là không đúng quy định và điều đó dẫn đến "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 bị quá hạn bằng số tiền TVB đã chuyển trừ nợ cho hợp đồng tín chấp, thì ông H bà N có quyền yêu cầu TVB chuyển trả lại số tiền mà TVB đã trừ vào hợp đồng tín chấp và mới có quyền yêu cầu TVB không tính lãi quá hạn, lãi chậm trả của số nợ quá hạn. Vì vậy, yêu cầu này của ông H bà N là không có căn cứ, HĐXX không chấp nhận.

[3.2] Đối với "Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm" ngày 15/10/2018, TVB cho bà N vay số tiền 90.000.000đ. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N đã trả cho TVB 42.310.913 đồng (gốc 27.532.549đ; lãi 14.778.364đ). Tại phiên tòa TVB yêu cầu ông H bà N thanh toán toàn bộ số nợ còn lại tính đến ngày 29/12/2021 là 112.636.216đ (trong đó nợ gốc 62.467.451đ; Lãi trong hạn: 2.663.794đ; Lãi quá hạn: 41.930.304đ; Lãi chậm trả: 5.574.667đ). Đồng thời bên vay phải tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Yêu cầu của TVB về việc buộc bên vay trả nợ là có căn cứ, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại hợp đồng đã ký; Phù hợp quy định tại Điều 91, 95 - Luật các tổ chức tín dụng; Điều 466, 468 - BLDS và Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Đối với việc TVB yêu cầu ông H và bà N cùng có trách nhiệm trả nợ hợp đồng này vì đây là chung của vợ chồng. Ông H bà N yêu cầu xác định đây là nợ riêng của bà N. HĐXX xét: "Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm" ngày 15/10/2018 do bà N xác lập với TVB, không có chữ ký chữ viết của ông H ; TVB cũng không thông báo cho ông H về khoản vay này; Số tiền vay bà N là người trực tiếp nhận; Sau khi vay bà N là người trả nợ; Bản thân bà N khẳng định số tiền vay này bà chi tiêu riêng;

Về phía TVB, ngoài việc xác định đây là nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, TVB không cung cấp tài liệu nào khác chứng minh đây là nợ chung của vợ chồng ông H bà N . Vì vậy, mặc dù đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân của ông H bà N song do một mình bà N xác lập, không có sự thống nhất của ông H , số tiền vay không nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình. HĐXX căn cứ quy định tại Điều 37, điều 45 Luật Hôn nhân & gia đình xác định đây là nợ riêng của bà N . Do đó bà N phải có trách nhiệm trả cho TVB toàn bộ số nợ của hợp đồng tín chấp.

[3.3] Đối với "Hợp đồng thế chấp": Trong đơn khởi kiện TVB yêu cầu Tòa án xác định: Trường hợp ông H bà N không trả hết nợ cho TVB thì TVB có quyền yêu cầu cơ quan thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp để thu hồi toàn bộ số nợ còn lại của cả hai hợp đồng. Ông T bà L xác định tài sản thế chấp chỉ bảo đảm cho "Hợp đồng cho vay". Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, đại diện của TVB xác định tài sản thế chấp tại "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 chỉ đảm bảo cho "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 của ông H bà N , không bảo đảm cho hợp đồng tín chấp là phù hợp với nội dung thỏa thuận tại các hợp đồng, đảm bảo quyền lợi của các bên nên HĐXX chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu đòi nợ của TVB được Tòa án chấp nhận vì vậy ông H, bà N phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định tại Điều 24; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016

Dành quyền kháng cáo cho các đương sự.

Vì những lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Các Điều 26; 35; 39; Khoản 2 Điều 147; Điều 227; Điều 271; Điều 273 - BLTTDS.

Điều 299; 463; Điều 466; 468 - Bộ luật dân sự;

Điều 91; 95 - Luật các tổ chức tín dụng

Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Điều 24; khoản 2 Điều 26; khoản 2 Điều 27 - NQ 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án

Xử: Chấp nhận yêu cầu của TVB, buộc ông Lê Thanh H bà Vũ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho TVB toàn bộ số nợ còn lại (gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả) của "Hợp đồng cho vay" số LN1801290489497 ngày 07/02/2018 giữa ông H bà N với TVB. Số nợ tính đến ngày 29/12/2021 là 352.573.366đ *(Ba trăm năm hai triệu, năm trăm bảy ba ngàn, ba trăm sáu sáu đồng)*. Đồng thời ông H bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/12/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho TVB. Trường hợp ông H bà N không thanh toán đầy đủ số nợ trên cho TVB thì TVB có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền kê biên phát mại tài sản thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất tại thửa đất số 55(1) tờ bản đồ số 33, diện tích 83,04m2, địa chỉ thửa đất: 04/65 đường Đình Hương, phường Đông Cương, TP

Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hoá. (Giấy chứng nhận QSDĐ số BV 675826 do UBND TP.Thanh Hóa cấp ngày 25/4/2015 mang tên ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L). Và tài sản gắn liền với đất là 01 nhà cấp 4, tường gạch, mái bờ rô xi măng, diện tích sử dụng 50m2, theo "Hợp đồng thế chấp" số LN 1801290489497 ngày 06/02/2018 và "Thỏa thuận" ngày 06/02/2018 đã ký giữa ông Lê Trung T và bà Lại Thị Thúy L với TVB để thu hồi nợ.

Buộc bà Vũ Thị N có nghĩa vụ thanh toán cho TVB toàn bộ số nợ (gồm nợ gốc, nợ lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi chậm trả) của "Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm" ngày 15/10/2018 giữa bà N với TVB. Số nợ tính đến ngày 29/12/2021 là 112.636.216đ *(một trăm mười hai triệu, sáu trăm ba sáu ngàn, hai trăm mười sáu đồng)*. Đồng thời buộc bà N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng, kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 30/12/2021) cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: Ông Lê Thanh H và bà Vũ Thị N phải chịu 17.628.668đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch (đối với số nợ của "Hợp đồng cho vay"). Bà Vũ Thị N phải chịu 5.631.810đ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá nghạch (đối với số nợ của "Hợp đồng cho vay không TSBĐ"). TVB không phải chịu án phí và được nhận lại 10.092.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2019/0012549 ngày 09/6/20201của Chi cục Thi hành án dân sự TP. Thanh Hóa.

Về quyền kháng cáo: TVB có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Ông Lê Thanh H , bà Vũ Thị N , ông Lê Trung T , bà Lại Thị Thúy L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7,9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận
- Các đương sự;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP.Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Nga